CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU.

(Sửa đổi lần thứ nhất)

Điều lệ này là bản cam kết của các cổ đông về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được xây dựng trên những căn cứ sau:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006;

- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Các văn bản pháp luật và hướng dẫn khác của Nhà nước hiện hành có liên quan;

- Quyết định số 6023/QĐ.UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc duyệt đề án cổ phần hoá chuyển Xí nghiệp Cấp nước Phú Mỹ thuộc Công ty Cấp nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ;

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2007 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cấp nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Năng lực và ý chí của các cổ đông sáng lập Công ty.

Bản điều lệ này là văn bản pháp qui cao nhất, điều tiết và chi phối toàn bộ mọi quan hệ, hoạt động của Công ty.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

<u>Điều 1:</u> Hình thức, mục đích thành lập công ty

1. Chúng tôi những cổ đông sáng lập có tên dưới đây:

Stt	Họ và tên cổ đông sáng lập	Ngày tháng năm sinh đối với cổ đông là cá nhân	Số, ngày, tháng, năm và nơi cấp CMND hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD đối với DN	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cổ đông sáng lập là cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Ghi chú
01	**C.ty TNHH Cấp Nước BR – VT** - Đại diện: Ông: Đinh Chí Đức Giám đốc công ty - Nhóm người trực tiếp quản lý phần vốn của công ty:		Giấy CNĐKKD Số: 4904000008 Do Sở KH&ĐT tỉnh BR - VT cấp ngày 22/6/2005	Số 14 đường 30/4, P9, Tp Vũng tàu, tỉnh BR – VT.		Hiện công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông
	01. Đinh Chí Đức Quốc tịch: Việt Nam	04/8/1960	CMND số: 273383995 ngày 31/1/2007, CA tỉnh BR- VT cấp.	Số 19/2 đường 30/4, P6, Tp Vũng Tàu, tỉnh BR – VT.	914.290 (17,28%)	
	02. Nguyễn Thị Thu Quốc tịch: Việt Nam	17/9/1958	CMND số: 273249229 ngày 05/02/2004 CA tỉnh BR – VTcấp.	Số 46, Võ Thị Sáu, P2, Tp Vũng Tàu, tỉnh BR - VT.	147.470 (2,79%)	
	03. Nguyễn Lương Điền Quốc tịch: Việt Nam	9/10/1965	CMND số: 273321353 ngày 07/11/2005 CA tỉnh BR – VT cấp	Số 22 Lê Phụng Hiểu, P8, Tp Vũng Tàu, tỉnh BR – VT.	147.470 (2,79%)	
	04. Lê Minh Đức Quốc tịch: Việt Nam	22/7/1969	CMND số: 011682798 ngày 13/4/1990 CA Hà Nội cấp.	Số 10 Tú Xương, P4, Tp Vũng Tàu - tỉnh BR – VT.	147.470 (2,79%)	
	05. Nguyễn Quốc Huy Quốc tịch: Việt Nam	26/5/1976	CMND số: 271497490 ngày 15/4/1993 CA tỉnh BR -VT cấp.	Số 35/3 đường Lê Lợ, P6, Tp Vũng Tàu, tỉnh BR- VT.	147.470 (2,79%)	

02	**Nguyễn Chiến Thắng** Quốc tịch: Việt Nam	01/4/1958	CMND số: 171725496 ngày 09/11/1994, CA tỉnh Thanh Hóa cấp	Số 19 Lô B đường Nguyễn Văn Trỗi, P7, Tp Vũng Tàu, tỉnh BR – VT.	12.340 (0,23%)	
03	**Nguyễn Thị Trinh** Quốc tịch: Việt Nam	02/9/1962	CMND số: 273242416, ngày 30/10/2003, CA tỉnh BR – VT cấp.	Số 82/6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P2, TP Vũng Tàu, tỉnh BR – VT.	41.800 (0,79%)	
04	**Và 333 Cổ đông thường**				3.731.050 (70,54%)	

Cùng đồng ý và ký tên vào danh sách cổ đông sáng lập kèm theo đơn đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, chấp thuận thành lập công ty cổ phần; cùng nhất trí thông qua Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoạt động tuân theo Luật pháp Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các điều khoản đã được quy định trong bản Điều lệ này.

2. Mục đích việc đăng ký kinh doanh Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là nhằm huy động nguồn vốn tự có của các cổ đông, tập hợp đội ngũ những người lao động bỏ vốn kinh doanh góp phần ích nước, lợi dân, làm giàu chính đáng cho các cổ đông, tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều người lao động và đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước.

3. Hình thức: Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 01 đơn vị phụ thuộc của Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực từ ngày 01/7/2006.

<u>Điều 2</u>: Tên, trụ sở chính của Công ty

1. **Tên gọi:** Công ty được thành lập có tên viết bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ MỸ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU.

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **PHU MY WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY;**

- Tên công ty viết tắt: **PHU MY WASUCO.**

2. Trụ sở chính của Công ty:

- Trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại: ấp Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 064.876576 - Fax: 064.922009

- Email: capnuocphumy @ yahoo.com.vn

Điều 3: Ngành, nghề kinh doanh

Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đăng ký kinh doanh các ngành, nghề sau:

- Khai thác, lọc và phân phối nước;
- Thi công lắp đặt đường ống cấp nước và bơm nước;
- Kinh doanh các vật tư, trang thiết bị về ngành nước.

Điều 4: Tư cách pháp nhân

1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, có tài khoản riêng tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, là đơn vị kinh tế hạch toán độc lập và tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp như quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là: 99 năm.

2. Việc chấm dứt hoạt động hoặc gia hạn thời hạn hoạt động của công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và đăng ký theo luật định.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ VỐN, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Mục 1: VỐN

Điều 6: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

- Vốn điều lệ: **52.893.600.000 đồng** (năm mươi hai tỷ, tám trăm chín ba triệu, sáu trăm ngàn đồng).

- Mệnh giá cổ phần là: **10.000 đồng**(mười ngàn đồng chẵn).

- Số cổ phần: **5.289.360 cổ phần phổ thông**(năm triệu hai trăm tám mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi cổ phần phổ thông)

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: **15.041.700.000 đồng**, chiếm **28,44%** vốn điều lệ.

- Vốn thuộc sở hữu các cổ đông là pháp nhân và cá nhân ngoài vốn Nhà nước là: **37.851.900.000 đồng**, chiếm **71,56%** vốn điều lệ.

2. Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được thanh toán đủ trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông sáng lập chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần góp vào Công ty.

3. Toàn bộ tài sản của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được định giá. Việc định giá tài sản góp vốn vào Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông góp vốn bằng tài sản phải chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản góp vốn cho công ty theo quy định tại Điều 29 Luật Doanh nghiệp.

5. Mỗi cổ phần phổ thông là một phiếu biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

6. Công ty có thể phát hành cổ phiếu để gọi vốn kinh doanh dưới dạng phát hành cổ phần phổ thông, hoặc cổ phần ưu đãi hoàn lại, hoặc cổ phần ưu đãi cổ tức, do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Việc phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải thông báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thủ tục xác định vốn điều lệ thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2: CỔ PHẦN

Điều 7: Cổ phần

Công ty hiện có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người chủ sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Cổ phần phổ

thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

<u>Điều 8:</u> Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất là 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau:

a) Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty;

b) Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó;

c) Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Trong trường hợp này, cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty.

Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

4. Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền cháo bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

<u>Điều 9:</u> Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Cổ phiếu (Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần) của Công ty phát hành có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

đ) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;

e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

3.Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền lợi và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.

4. Các trường hợp khác được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật Doanh nghiệp.

<u>Điều 10:</u> Sổ đăng ký cổ đông

1. Việc quản lý cổ đông và sổ chứng nhận sở hữu cổ phần thực hiện theo hình thức ghi sổ trên Sổ đăng ký cổ đông.

2. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là tập văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ phần.

4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

5. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

<u>Điều 11</u>: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.

2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ

vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, công ty phải phát hành và trao sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ đông chưa có tên trong Sổ đăng ký cổ đông; đối với cổ đông đã có tên trong Sổ đăng ký cổ đông mà mua thêm cổ phần thì phải mang sổ chứng nhận sở hữu cổ phần đến trụ sở công ty xác nhận số cổ phần phát sinh thêm.

5. Các cổ phần được tự do chuyên nhượng, trừ những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp. Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ và phải được ưu tiên bán trước cho các cổ đông của công ty. Cổ phần được coi là đã chuyển nhượng khi các văn bản, chứng từ hợp lệ có xác nhận của công ty, ghi đầy đủ các thông tin của bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng cổ phần:

- Đối với bên chuyển nhượng ghi rõ họ, tên, mã số cổ đông; số Giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ thường trú, điện thoại; số cổ phần nắm giữ, thành tiền VNĐ;

- Đối với bên nhận chuyển nhượng ghi rõ họ, tên, số Giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú, điện thoại; ngày tháng năm chuyển nhượng; số cổ phần chuyển nhượng(nếu là cổ đông của công ty thì ghi thêm mã cổ đông).

Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thức thông thường. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

6. Cổ phần mua chịu không được chuyển nhượng khi chưa thanh toán hết số tiền mua chịu.

7. Khi đăng ký và làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần vào Sổ đăng ký cổ đông của công ty thì phải nộp mức phí chuyển nhượng. Mức phí chuyển nhượng cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

8. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

<u>Điều 12</u>: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu

rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường tại thời điểm định giá hoặc được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

<u>Điều 13:</u> Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng cổ cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Mục 3: CỔ ĐÔNG

Điều 14: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông được chính thức công nhận khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và đã ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:

a) Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ là người do cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty bổ nhiệm;

b) Người đại diện nêu tại điểm a trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền lại cho người khác;

c) Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty;

d) Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty;

đ) Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;

e) Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặt thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 15: Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp có quy định khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;

h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp.

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

<u>Điều 16</u>: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: Vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 17: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty.

Mục 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ.

2. Đại hội đông cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

<u>Điều 19</u>: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Báo cáo tài chính hằng năm;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của bản Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của bản Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 20: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại

hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

<u>Điều 21</u>: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;.

c) Những trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

<u>Điều 22</u>: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

<u>Điều 23:</u> Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Những cổ đông không đến dự Đại hội đồng cổ đông được phép ủy quyền cho đại diện thay thế. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trừ những trường hợp được quy định dưới đây, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau: người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

<u>Điều 24</u>: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đai hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ công ty.

5. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp.

<u>Điều 25</u>: Thông qua quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

c) Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

6. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại điều 105 Luật Doanh nghiệp.

<u>Điều 26</u>: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

<u>Điều 27</u>: Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của bản Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người làm đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

p) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 thành viên, không quá 11 thành viên và do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm; nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc; trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là cổ đông của công ty.

<u>Điều 28:</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty .

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

<u>Điều 29</u>: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của công ty.

4. Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

5. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.

<u>Điều 30</u>: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 của bản Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

<u>Điều 31</u>: Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định;

Đề nghị phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết

thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8.Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

<u>Điều 32</u>: Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

2. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

3. Thời gian và địa điểm họp;

4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

8. Các quyết định đã được thông qua;

9. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Mục 3: GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 33: Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc doanh nghiệp khác.

4. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 34: Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc

Giám đốc Công ty phải là người hội đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Là người có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kinh tế, kỹ thuật hoặc quản trị kinh doanh, có am hiểu về những ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký hoạt động, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề mà Công ty đang sản xuất kinh doanh, có đủ kiến thức và kinh nghiệm để quản lý Công ty;

3. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh doanh khác.

<u>Điều 35</u>: Người đại diện theo pháp luật của công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ là:

- Họ và tên: **NGUYỄN CHIẾN THẮNG** Nam(nữ): Nam
- Chức danh: Giám đốc Công ty
- Sinh ng ày 01/04/1958
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 171725496 do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09/11/1994
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19 lô B đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chỗ ở hiện nay: Số 19 lô B đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Điện thoại: 064.922007 Fax: 064.922009
- Chữ ký:

Trường hợp có thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

<u>Điều 36</u>: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội dồng quản trị

quyết định. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

4. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc, và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 4: BAN KIỂM SOÁT

Điều 37: Ban kiểm soát

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành công ty.

2. Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành lập ban kiểm soát có từ 02 đến 03 thành viên trong đó phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông công ty; quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 38: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hồi đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của bản Điều lệ này;

5. Khi có yêu cầu của cổ đông và nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của bản Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây dán đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

<u>Điều 39:</u> Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

- Phân công công việc cho các thành viên trong Ban kiểm soát;

- Lập các thông báo kết qủa kiểm tra để thông báo cho Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu kiểm tra; lập các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông công ty;

- Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản của Ban kiểm soát;

- Chịu trách nhiệm chính trước Đại hội đồng cổ đông công ty về hoạt động của Ban kiểm soát.

<u>Điều 40</u>: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thành viên Ban kiểm soát phải từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong công ty.

<u>Điều 41</u>: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ công ty;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ

đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

<u>Điều 42</u>: Căn cứ và phương pháp xác định thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

3. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Chương V
NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

<u>Điều 43</u>: Năm tài chính của công ty

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

<u>Điều 44</u>: Tổng kết kế toán và trình báo cáo hằng năm

1. Sổ sách kế toán của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được mở đầy đủ theo pháp luật về tài chính, kế toán và thực hiện trong phạm vi quy định của chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Kết thúc năm tài chính, công ty phải lập báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tài chính Năm và báo cáo tài chính giữa niên độ (theo từng Quý) dạng đầy đủ theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC, ngày 20 tháng 3 năm 2006. Kết thúc Quý

và Năm tài chính, Công ty lập báo cáo tài chính bao gồm các mẫu biểu theo quy định thông qua Hội đồng quản trị công ty và Ban kiểm soát.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải gửi đến cơ quan thuế, cơ quan Thống kê và cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Công ty thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ (Ban kiểm soát) và kiểm toán độc lập. Thực hiện công bố công khai báo cáo tài chính đã được kiểm toán trước Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

<u>Điều 45</u>: Các loại quỹ của công ty

Kết quả kinh doanh của công ty là chênh lệch giữa doanh thu và chi phí. Sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và chi trả các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật như sau:

- Khấu trừ các khoản tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, phạt nợ quá hạn, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế và các khoản chi phí hợp lệ khác;

- Khấu trừ các khoản lỗ chưa tính vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Khấu trừ các khoản lỗ năm trước chuyển sang;

Sau khi trừ các khoản trên, lợi thuận còn lại của công ty được phân phối như sau:

1. Quỹ dự trữ: Không quá 2% lợi nhuận sau thuế. Số dư tối đa của quỹ này bằng 5% vốn điều lệ;

2. Quỹ đầu tư phát triển: Không quá 3% lợi nhuận sau thuế. Số dư tối đa của quỹ này bằng 5% vốn điều lệ;

3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Tối thiểu 5%, tối đa bằng 15% lợi nhuận sau thuế, dùng để chi thưởng cho các cá nhân và tập thể của Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thưởng cho các đối tác là khách hàng của Công ty.

4. Lợi nhuận chia cổ tức: Tối đa bằng 85% lợi nhuận sau thuế.

Hội đồng quản trị căn cứ vào lợi nhuận sau thuế đạt được của từng năm để quyết định tỷ lệ trích, sử dụng các quỹ thông qua Đại hội cổ đông. Phương án phân chia và mức trích cho từng loại cổ tức do Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông công ty quyết định.

<u>Điều 46:</u> Nguyên tắc trả cổ tức và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của công ty, bù đắp đủ lỗ trước đó và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác đến hết hạn.

Cổ tức được trả 06 tháng hoặc 01 năm 01 lần, cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Thời hạn trả cổ tức chậm nhất là 90 ngày từ ngày kết thúc niên độ tài chính(06 tháng, 01 năm).

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông có thể bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của công ty. Nếu trả bằng tiền mặt thì thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến các địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đầy đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập, số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm trả cổ tức và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

4. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Chương VI
GIẢI THỂ, THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 47: Giải thể công ty

1. Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải thể trong các trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Trình tự và thủ tục giải thể công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 48: Trình tự và thủ tục thanh lý tài sản của công ty

1. Khi giải thể công ty thành lập Hội đồng định giá tài sản gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và kế toán của công ty để định giá và xác định toàn bộ những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của công ty gồm: Tài sản cố định, tài sản lưu động, công trình xây dựng dở dang, các khoản vốn góp liên doanh liên kết và các khoản phải thu đều được sử dụng để trang trải mọi chi phí phát sinh giải thể và các khoản phải trả của công ty.

2. Mọi tài sản của công ty khi giải thể được chuyển giao cho các đơn vị, cá nhân đều phải thanh toán theo giá thị trường tại thời điểm chuyển giao.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ tài sản của công ty được xử lý theo trình tự sau:

a) Thanh toán các khoản chi phí giải thể công ty như: chi phí cho việc thu hồi, bán tài sản, phụ cấp cho thành viên Hội đồng giải thể và nhân viên giúp việc Hội đồng giải thể;

b) Thanh toán các khoản nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, các khoản trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác theo chế độ hiện hành cho người lao động theo hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể;

c) Thanh toán các khoản nợ thuế;

d) Số tiền còn lại sau khi trừ các khoản trên được thanh toán cho các chủ nợ. Nếu số tiền còn lại đủ thanh toán cho các chủ nợ thì các chủ nợ được nhận đủ số nợ của mình. Nếu không đủ thì các khoản nợ chỉ được thanh toán theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng số tiến còn lại với tổng số nợ của công ty đối với từng chủ nợ.

Cuối cùng số tiền còn lại được chia cho các cổ đông theo số lượng cổ phần hiện mua tại công ty.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

<u>Điều 49</u>: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

1. Những vấn đề có liên quan đến hoạt động của công ty không được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác điều chỉnh.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đồng thời phải đăng ký lại Điều lệ sửa đổi với Phòng đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Đại hội đồng cổ đông.

<u>Điều 50</u>: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp nội bộ công ty; tranh chấp giữa công ty với các tổ chức, pháp nhân và cá nhân khác trước hết được giải quyết bằng thương lượng giữa các bên có liên quan. Trường hợp thương lượng không đạt kết qủa mong muốn thì các bên có thể giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

2. Các tranh chấp có liên quan đến các tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế - xã hội nước ngoài thì hai bên có thể thỏa thuận chọn Tòa án kinh tế - Tòa án tối cao hoặc chọn Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đặt bên cạnh Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam để giải quyết.

<u>Điều 51</u>: Điều khoản thi hành

1. Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu chính thức đi vào hoạt động khi được Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch & Đầu tư

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chuẩn bị đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Bản Điều lệ này gồm 7 chương và 51 Điều, được lập thành 12 bản có giá trị như nhau, trong đó:

a) 01 bản nộp tại Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đăng ký kinh doanh;

b) 09 bản giao cho các cổ đông sáng lập, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c) 02 bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

3. Bản Điều lệ này đã được toàn thể các cổ đông sáng lập xem xét từng chương, từng Điều, cùng ký tên chấp thuận và nhất trí thông qua ngày 24 tháng 03 năm 2007.

4. Bản Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ đầu tiên được thông qua lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2004.

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2007

Các cổ đông sáng lập

GIÁM ĐỐC

Đinh Chí Đức

Đại diện theo pháp luật của công ty

Nguyễn Chiến Thắng

Các cổ đông sáng lập

Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Lương Điền

Lê Minh Đức

Nguyễn Quốc Huy

Nguyễn Thị Trinh

Nguyễn Chiến Thắng